

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

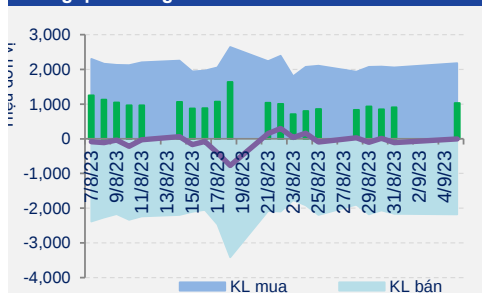
5/9/2023

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

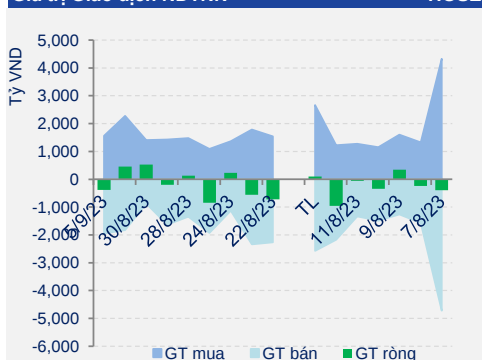
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,234.98	252.28
% Thay đổi	↑ 0.89%	↑ 1.01%
KLGD (CP)	1,030,813,411	117,754,109
GTGD (tỷ đồng)	24,515.04	2,278.41
Tổng cung (CP)	2,181,758,567	177,014,500
Tổng cầu (CP)	2,179,027,365	159,125,200

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	56,264,738	1,328,192
KL mua (CP)	42,213,172	1,460,490
GT mua (tỷ đồng)	1,556.42	34.87
GT bán (tỷ đồng)	1,943.82	29.72
GT ròng (tỷ đồng)	(387.40)	5.16

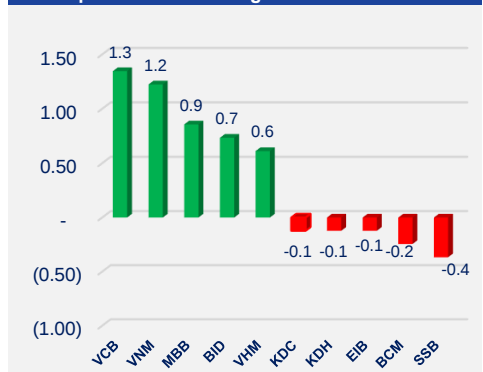
Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



VN-INDEX tiếp tục xu hướng tăng điểm trong phiên giao dịch đầu tháng 09/2023 sau khi kỳ nghỉ lễ. Đầu phiên VN-INDEX tạo khoảng trống tăng giá khi tăng lên 1.230 điểm, rung lắc nhẹ trong phiên và duy trì tăng điểm tốt khi kết phiên tăng 10,93 điểm (+0,89%) lên mức 1.234,98 điểm với thanh khoản gia tăng tích cực kỳ vọng kiểm tra lại đỉnh giá cao nhất tháng 08/2023. HNX-INDEX tăng 2,53 điểm (+1,01%) lên 252,28 điểm. Độ rộng trên hai sàn niêm yết duy trì tích cực với tổng cộng 495 mã tăng giá (29 mã tăng trần), 210 mã giảm giá (03 mã giảm sàn) và 106 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết đạt 26.782,12 tỷ đồng, tăng 14,94% so với phiên trước, duy trì trên mức trung bình của thị trường. Dòng tiền vẫn đang gia tăng trở lại khi VN-INDEX lại vượt lên vùng giá đỉnh năm 2018. Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng trên HOSE với giá trị 387,40 tỷ đồng, trong đó tập trung nhiều ở nhóm thép, dịch vụ tài chính, chứng khoán, bất động sản; mua ròng trên HNX với giá trị 5,16 tỷ đồng.

Thị trường đón nhận thông tin Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng PMI ngành sản xuất Việt Nam trong tháng 8 đã tăng trở lại lên trên ngưỡng 50 điểm sau 6 tháng. Điều này cho thấy các điều kiện kinh doanh trong ngành sản xuất đã cải thiện nhẹ. Cụ thể, các nhà sản xuất ghi nhận số lượng đơn đặt hàng mới tăng lần đầu trong vòng 6 tháng trở lại đây, trong khi số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới cũng tăng sau thời gian giảm kéo dài 5 tháng. Sản lượng ngành sản xuất cũng đã tăng trưởng trở lại, kết thúc thời kỳ giảm sản lượng kéo dài 5 tháng. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng chỉ là nhẹ trong đó, sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới trong lĩnh vực hàng hóa đầu tư cơ bản có dấu hiệu phục hồi khả quan nhất.

Với thông tin trên nhóm cổ phiếu sản xuất, hóa chất, phân bón, điện là những cổ phiếu có diễn biến tích cực, nổi bật trong thị trường với thanh khoản gia tăng mạnh như CSV (+4,06%), DGC (+4,00%), DCM (+2,10%), SCI (+9,52%), PC1 (+6,84%), VNE (+6,09%), NT2 (+3,94%), PPC (+3,14%)...

Các cổ phiếu cảng biển, vận tải biển cũng có diễn biến tích cực sau khi nhiều mã vượt đỉnh lịch sử với thanh khoản gia tăng mạnh như DXP (+3,08%), HAH (+3,03%), PHP (3,02%), VOS (+2,09%), GMD (+1,44%)....

Các cổ phiếu đầu tư công, xây dựng, vật liệu xây dựng duy trì xu hướng tích cực sau thông tin khởi công xây dựng công trình nhà ga hành khách Cảng hàng không quốc tế sân bay Long Thành với C69 (+9,89%), DHA (+5,73%), FCN (+4,00%), CTD (+3,49%), VLB (+3,02%)... Trong khi các cổ phiếu bất động sản phân hóa hơn, đa số có diễn biến tích cực, thanh khoản gia tăng tốt như NVL (+4,65%), CEO (+4,21%), LGL (+3,32%), CII (+2,23%)... ngoài một số mã chịu áp lực điều chỉnh trong phiên giao dịch chiều với TCH (-2,26%), DXG (-0,67%), HDG (-0,65%)....

Các cổ phiếu ngân hàng hầu hết đều tăng giá tích cực với thanh khoản gia tăng mạnh vượt mức trung bình, nhiều mã đột biến thanh khoản như MSB (+6,43%), MBB (+3,51%), OCB (+2,04%), HDB (+1,48%)... ngoài các mã chịu áp lực điều chỉnh với SSB (-2,14%), EIB (-1,73%).

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2309 tăng 9,5 điểm (+0,75%), chênh lệch âm -2,14 điểm so với VN30, khối lượng giao dịch giảm 23,54% so với phiên trước, dưới mức trung bình, cho thấy các vị thế mua đầu cơ trong phiên đã giảm khi thị trường cơ sở duy trì nhiều cơ hội sinh lợi ngắn hạn. Các kỳ hạn lớn hơn VN30F2310, VN30F2312, VN30F2403 chênh lệch từ -2,64 điểm đến -18,64 điểm, mức chênh lệch giữa các kỳ hạn tiếp tục nới rộng. Cho thấy các trader vẫn lạc quan với xu hướng ngắn hạn của VN30. Gia tăng các vị thế mua ở thị trường cơ sở và phòng ngừa rủi ro các kỳ hạn lớn ở thị trường phái sinh.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



Xu hướng hồi phục tiếp tục diễn ra trong phiên hôm nay và đây là phiên thứ 5 liên tiếp VnIndex tăng điểm sau điều chỉnh, chốt phiên VnIndex tăng +10,93 điểm (+0,89%) và đóng cửa ở 1.234,98 điểm. Nhịp hồi phục ngắn hạn sẽ sớm tiệm cận ngưỡng cản 1.250 điểm và có khả năng VnIndex sẽ tiếp tục hình thành nhịp tích lũy quanh ngưỡng cản ngắn hạn này để tích lũy nội lực chuẩn bị cho việc hướng tới các mốc xa hơn.

Xét dưới góc nhìn ngắn hạn thị trường đang trong nhịp hồi phục như chúng tôi đã dự báo và VN-Index có thể hướng tới vùng đỉnh cũ quanh 1.250 điểm trước khi đi tạo nền tích lũy mới.

Về góc nhìn trung hạn, chúng tôi đã nhận định uptrend của thị trường chưa bị phá vỡ và ở góc độ nào đó nhịp điều chỉnh mạnh vừa qua không thủng ngưỡng 1.150 điểm nên thị trường đã tích lũy lại và tạo nhịp tăng ngắn hạn trước khi đi vào vùng tích lũy mới, nhịp điều chỉnh mạnh còn cần thiết để thị trường rũ bỏ đeo bám trước ngưỡng cản mạnh 1.300 (ngưỡng này không dễ để VnIndex vượt qua nếu tích lũy không đủ tốt) và trong trường hợp tích cực VnIndex vẫn có thể bùng nổ vượt 1.300 điểm nếu như nhịp tích lũy tiếp theo đủ tốt và chặt chẽ. Tuy nhiên hiện tại còn quá sớm để dự báo xa, trước mắt thị trường sẽ hồi phục ngắn hạn và sau đó cần tạo thành khu vực tích lũy mới để tích lũy nội lực trước khi vượt cản mạnh.

Trong ngắn hạn thị trường đang trong nhịp hồi phục sau điều chỉnh, tuy nhiên thị trường sẽ phải có giai đoạn tích lũy mới, ở vùng điểm số hiện tại VnIndex sắp tiệm cận ngưỡng cản 1.250 điểm nên sẽ đối diện với rung lắc và rủi ro. Với nhà đầu tư trung, dài hạn nhà đầu tư nên tiếp tục nắm giữ danh mục hiện tại. Việc giải ngân nếu muốn chỉ nên thực hiện trong các giai đoạn thị trường điều chỉnh giảm, mục tiêu giải ngân đầu tư trung, dài hạn nên hướng tới các nhóm cổ phiếu đầu ngành, các cổ phiếu đang tích lũy và không bị điều chỉnh sâu, có kỳ vọng kết quả kinh doanh tiếp tục tăng trưởng trong năm nay.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

5/9/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỐI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận	
CTG	32.65	30-30.8	35-37	28	8.9	0.0%	12.0%	Theo dõi chờ giải ngân
IDC	47.70	43-45	55-57	41	12.0	-27.2%	-62.6%	Theo dõi chờ giải ngân
CSV	38.45	31-32.5	42-43	29	6.6	-36.3%	-56.2%	Theo dõi chờ giải ngân
PVP	13.70	11.5-13	15.5-16	12	4.4	8.3%	235.8%	Theo dõi chờ giải ngân
DTD	29.70	25-27	30-31	22	6.1	-38.6%	-35.8%	Theo dõi chờ giải ngân
PHR	51.10	46-48	57-59	43	7.8	-54.5%	136.4%	Theo dõi chờ giải ngân
VIC	62.30	61-64	79-82	56	44.3	252.2%	-45.0%	Theo dõi chờ giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
19/5/23	DPR	66.7	54.8	65-67	64	21.7%	Nắm giữ
7/6/23	KBC	34.2	28.05	34-35	32	21.9%	Nắm giữ
28/7/23	BIC	28.4	29.1	32-33	28	-2.4%	Nắm giữ
2/8/23	VNM	80.1	72.95	87-89	77	9.8%	Nắm giữ
2/8/23	CTG	32.7	30.6	35-37	31	6.7%	Nắm giữ
28/8/23	DTD	29.7	26.8	30-31	28	10.8%	Nắm giữ
28/8/23	VIC	62.3	63.1	79-82	59	-1.3%	Nắm giữ

**TIN VĨ MÔ****Giá xăng dầu tăng ngay sau kỳ nghỉ lễ**

Chiều 5/9, liên Bộ Công Thương – Tài chính công bố điều chỉnh giá bán lẻ các mặt hàng xăng dầu. Trong kỳ điều hành này, liên Bộ quyết định không trích lập Quỹ Bình ổn giá (BOG) xăng dầu đối với tất cả các mặt hàng xăng dầu. Đồng thời không chi Quỹ BOG đối với tất cả các mặt hàng xăng dầu. Xăng E5RON92 tăng 132 đồng/lít; xăng RON95-III tăng 270 đồng/lít. Tương tự, các loại dầu cũng có mức tăng từ 291 đồng/lít - 505 đồng/lít, riêng dầu mazut 180CST 3.5S giảm 277 đồng/kg so với giá bán lẻ hiện hành...

PMI vượt ngưỡng 50 điểm, ngành sản xuất Việt Nam tăng trưởng trở lại

Sáng 5/9, S&P Global công bố báo cáo Chỉ số Nhà quản trị mua hàng (PMI) ngành sản xuất Việt Nam tháng 8/2023. Trong đó có 3 điểm nhấn nổi bật: Sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới tăng trở lại; việc làm tiếp tục giảm nhẹ và chi phí đầu vào và giá cả đầu ra tăng. Chỉ số Nhà quản trị mua hàng (PMI) ngành sản xuất Việt Nam trong tháng 8/2023 đã tăng trở lại lên trên ngưỡng 50 điểm, cho thấy các điều kiện kinh doanh trong ngành sản xuất đã cải thiện. Các nhà sản xuất ghi nhận số lượng đơn đặt hàng mới tăng lần đầu trong sáu tháng...

Giải ngân vốn đầu tư công vượt cùng kỳ, sắp cán mốc 300.000 tỷ đồng sau 8 tháng

Theo báo cáo từ Bộ Tài chính, ước thanh toán từ đầu năm đến ngày 31/8/2023 là 299.447,4 tỷ đồng, đạt 39,6% kế hoạch và đạt 42,3% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao. Trong đó, vốn trong nước là 292.186,9 tỷ đồng, đạt 40,1% kế hoạch và đạt 43% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao; vốn nước ngoài là 7.260,5 tỷ đồng, đạt 25,95% kế hoạch.

Thêm nhiều quyền lợi cho người tham gia BHXH tự nguyện

Nhằm khuyến khích người lao động phi chính thức và lao động di cư tham gia BHXH tự nguyện, Thường trực Ủy ban Xã hội của Quốc hội đề nghị nâng mức hỗ trợ trợ cấp thai sản phù hợp hơn, có các chế độ trợ cấp cho trẻ em. Theo Chính phủ, việc bổ sung chế độ thai sản vào chính sách BHXH tự nguyện nhằm tăng tính hấp dẫn của chính sách BHXH tự nguyện, thu hút người dân, nhất là nhóm lao động trẻ tuổi tham gia BHXH tự nguyện.

**TIN DOANH NGHIỆP**

Gelex Electric (GEE) trả cổ tức 10% bằng tiền mặt, GEX nhận về gần 240 tỷ đồng

CTCP Điện lực Gelex (Gelex Electric, mã chứng khoán GEE - UPCoM) thông báo ngày 15/9 là ngày đăng ký cuối cùng nhận cổ tức đợt 1/2023. Công ty sẽ trả cổ tức bằng tiền, tỷ lệ 10% (tương ứng 01 cổ phiếu được nhận 1.000 đồng). Thời gian thanh toán dự kiến vào ngày 04/10. Với 300 triệu cổ phiếu đang niêm yết và lưu hành, GEE cần chi tương đương 300 tỷ đồng để trả cổ tức đợt này cho cổ đông. Năm nay, ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của Công ty đã thông qua mức trả cổ tức năm nay là 20%.

Báo cáo soát xét 6 tháng, Vietjet (VJC) có lãi và tiếp tục phát triển mạnh mẽ đường bay quốc tế

Trong 6 tháng đầu năm 2023, Vietjet đã khai thác an toàn 65,9 nghìn chuyến bay, vận chuyển trên 12,1 triệu lượt hành khách, trong đó, 3,5 triệu khách quốc tế, tăng 26% và 30% so với cùng kỳ. Các chuyến bay của hãng đạt hệ số sử dụng ghế bình quân cao trên 85% và độ tin cậy kỹ thuật 99,63%. Tổng sản lượng hàng hóa Vietjet vận chuyển đạt 33 nghìn tấn, tăng gần 40% so với cùng kỳ. Đội máy bay của Vietjet có 103 tàu bay bao gồm đội tàu bay Thái Vietjet, 3 tàu bay mới đang giao hàng.

Tổ chức xếp hạng thị trường FTSE Russell: Chứng khoán Việt Nam là điểm sáng ở châu Á

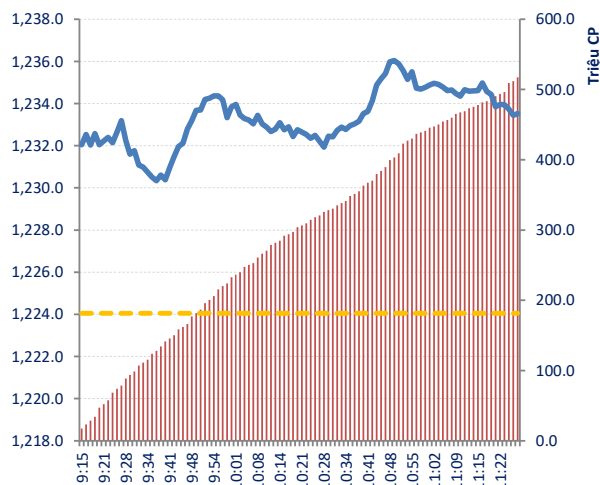
Mới đây, hãng xếp hạng thị trường FTSE Russell đánh giá chứng khoán Việt Nam là “điểm sáng” ở khu vực châu Á khi đất nước hình chữ S hồi phục mạnh trong thời hậu dịch bệnh. Lý giải về nhận định này, FTSE Russell đề cập tới một số thành tích tích cực của Việt Nam, như GDP tăng trưởng 8% trong năm 2022 và chỉ số FTSE Vietnam 30 vẫn tăng 12% so với đầu năm. Bên cạnh đó, việc hợp tác với FTSE Russell cũng như sân giao dịch Singapore sẽ giúp Việt Nam có hệ sinh thái toàn diện giúp nhà đầu tư nước ngoài tiếp cận cổ phiếu Việt và kiểm soát các rủi ro liên quan.

Nhóm quỹ VinaCapital bán ra hơn 6 triệu cp Nhà Khang Điền

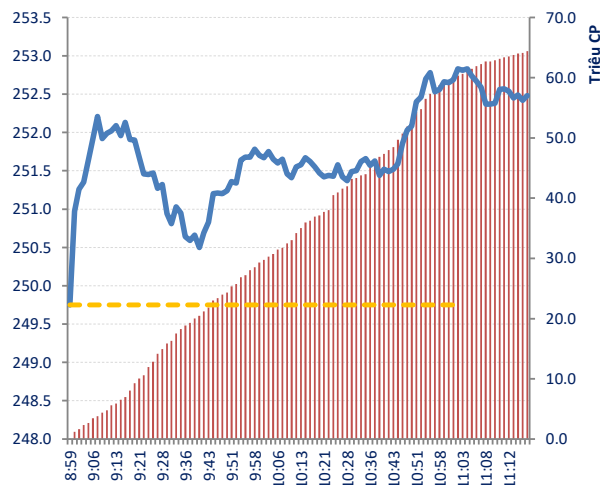
Quỹ Vietnam Ventures Limited, thành viên thuộc CTCP Quản lý quỹ VinaCapital, đã bán 6.6 triệu cp của CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền (HOSE: KDH) theo phương thức khớp lệnh trong thời gian từ 02-30/08/2023. Qua đó, nhóm quỹ ngoại giảm sở hữu tại Nhà Khang Điền từ 24.8 triệu cp (tỷ lệ 3.47%) xuống còn 18.23 triệu cp (tỷ lệ 2.54%).

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

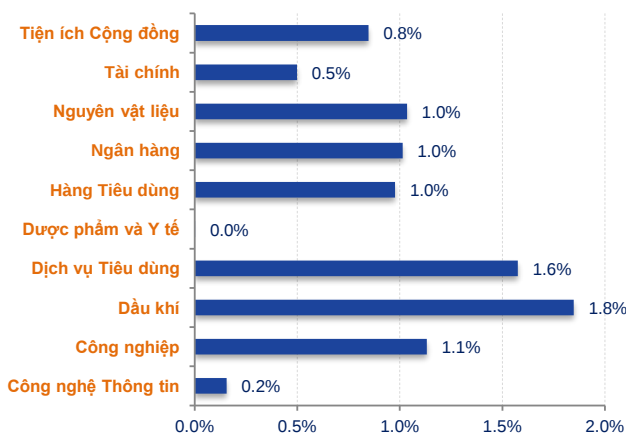
KLGD và VN-Index trong phiên



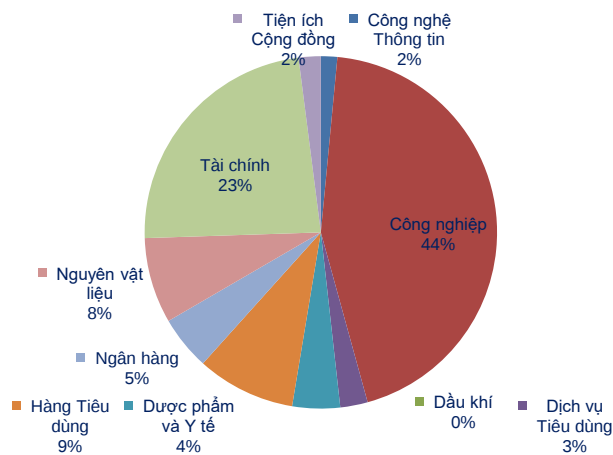
KLGD và HNX-Index trong phiên



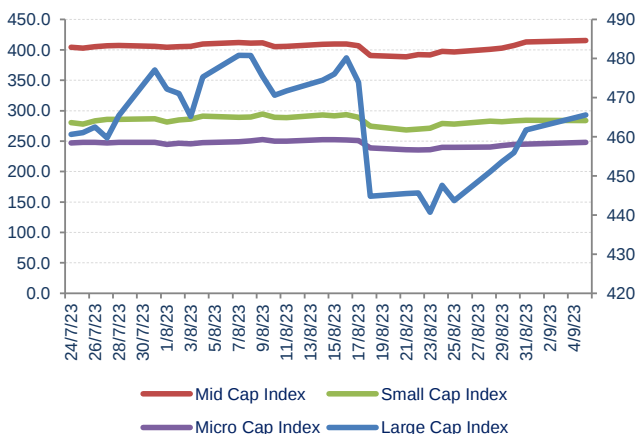
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



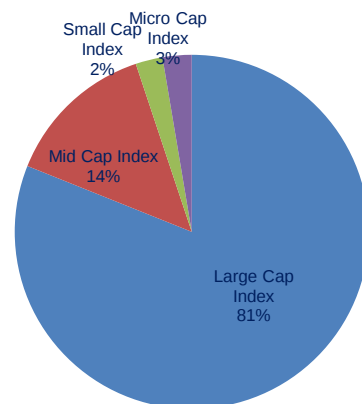
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ

Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ

Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ

Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	TPB	8,040,303	SSI	5,644,413	1	TIG	506,300	TNG	468,814
2	VNM	2,450,889	HPG	3,890,376	2	CEO	226,212	DTD	252,900
3	HDB	1,580,825	VIC	2,859,155	3	PVS	195,280	MBS	111,600
4	PVT	1,449,000	FUEVFVND	2,466,900	4	BVS	164,600	NVB	100,000
5	VHM	1,220,900	STB	1,115,700	5	VNR	89,100	SHS	78,101

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
NVL	20.45	21.40	↑ 4.65%	53,905,200	SHS	18.60	18.40	↓ -1.08%	18,169,741
TCB	34.50	35.00	↑ 1.45%	45,578,080	CEO	26.10	27.20	↑ 4.21%	16,948,963
SHB	12.45	12.65	↑ 1.61%	45,002,747	PVS	35.50	36.50	↑ 2.82%	8,705,636
VIX	19.80	19.65	↓ -0.76%	31,375,503	IDJ	7.50	8.00	↑ 6.67%	5,546,858
MSB	14.00	14.90	↑ 6.43%	29,915,908	HUT	26.20	26.30	↑ 0.38%	5,082,574

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TNA	6.73	7.20	0.47	↑ 6.98%	SDN	24.70	27.20	2.50	↑ 10.12%
EVG	6.45	6.90	0.45	↑ 6.98%	CET	9.00	9.90	0.90	↑ 10.00%
CNG	29.50	31.55	2.05	↑ 6.95%	S99	10.10	11.10	1.00	↑ 9.90%
TN1	15.20	16.25	1.05	↑ 6.91%	C69	9.10	10.00	0.90	↑ 9.89%
HPX	6.83	7.30	0.47	↑ 6.88%	SFN	19.30	21.20	1.90	↑ 9.84%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HU1	8.30	7.90	-0.40	↓ -4.82%	AMC	22.00	19.80	-2.20	↓ -10.00%
HSL	8.50	8.15	-0.35	↓ -4.12%	SGD	21.50	19.40	-2.10	↓ -9.77%
DMC	68.00	65.30	-2.70	↓ -3.97%	L40	21.00	19.00	-2.00	↓ -9.52%
SRF	9.60	9.22	-0.38	↓ -3.96%	VE3	10.80	9.80	-1.00	↓ -9.26%
HHS	7.49	7.20	-0.29	↓ -3.87%	THS	13.30	12.20	-1.10	↓ -8.27%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
NVL	53,905,200	-1.3%	(295)	-	0.9
TCB	45,578,080	15.3%	5,061	6.8	1.0
SHB	45,002,747	17.7%	2,183	5.7	0.9
VIX	31,375,503	7.0%	839	23.6	1.6
MSB	29,915,908	17.5%	2,414	5.8	0.9

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	18,169,741	4.3%	507	36.7	1.5
CEO	16,948,963	7.7%	994	26.3	2.1
PVS	8,705,636	7.2%	1,953	18.2	1.3
IDJ	5,546,858	5.9%	668	11.2	0.7
HUT	5,082,574	1.3%	145	181.1	2.3

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TNA	↑ 7.0%	1.6%	191	35.3	0.6
EVG	↑ 7.0%	1.3%	157	41.0	0.5
CNG	↑ 6.9%	16.1%	2,575	11.5	1.9
TN1	↑ 6.9%	7.1%	1,577	9.6	0.8
HPX	↑ 6.9%	3.9%	462	14.8	0.6

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SDN	↑ 10.1%	26.7%	10,064	5.2	1.3
CET	↑ 10.0%	1.6%	181	49.8	0.8
S99	↑ 9.9%	3.3%	510	19.8	0.6
C69	↑ 9.9%	2.8%	348	26.1	0.7
SFN	↑ 9.8%	11.7%	2,924	6.6	0.8

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
TPB	8,040,303	18.6%	2,686	7.3	1.4
VNM	2,450,889	23.9%	3,937	19.8	4.4
HDB	1,580,825	20.3%	2,765	6.1	1.2
PVT	1,449,000	12.0%	2,993	7.8	0.9
VHM	1,220,900	29.1%	10,341	5.3	1.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
TIG	506,300	7.6%	1,091	10.6	0.8
CEO	226,212	7.7%	994	26.3	2.1
PVS	195,280	7.2%	1,953	18.2	1.3
BVS	164,600	8.3%	2,576	11.2	0.9
VNR	89,100	0.0%	(9)	-	1.2

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	497,988	23.0%	5,797	15.4	3.3
VHM	238,184	29.1%	10,341	5.3	1.4
BID	237,498	19.0%	4,025	11.7	2.1
VIC	236,845	3.9%	1,395	44.5	1.7
GAS	188,715	20.3%	6,680	14.8	2.8

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	16,968	7.2%	1,953	18.2	1.3
IDC	15,675	20.7%	3,969	12.0	2.5
SHS	15,125	4.3%	507	36.7	1.5
THD	14,014	2.9%	458	79.4	2.3
CEO	13,299	7.7%	994	26.3	2.1

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
AGM	3.64	-46.1%	(10,046)	-	0.5
QCG	2.97	-0.4%	(63)	-	0.8
LDG	2.84	-5.5%	(692)	-	0.4
HPX	2.73	3.9%	462	14.8	0.6
TGG	2.68	-14.0%	(1,757)	-	0.3

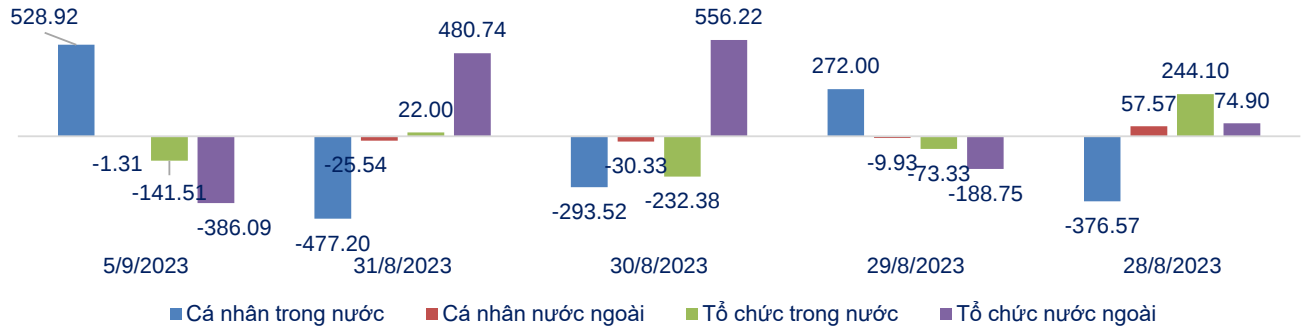
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
IDJ	4.42	5.9%	668	11.2	0.7
API	3.97	6.9%	790	9.2	0.6
APS	3.51	-9.5%	(1,172)	-	0.8
DDG	3.49	-24.7%	(3,031)	-	0.9
VC2	3.41	3.8%	554	24.9	1.0



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	195.17	3.9%	1,395	44.5	1.7
SSI	129.23	7.3%	1,093	30.6	2.3
TPB	58.34	18.6%	2,686	7.3	1.4
VPB	53.39	11.1%	1,728	12.1	1.3
KDH	52.77	7.5%	1,281	28.9	2.0

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	-179.58	23.9%	3,937	19.8	4.4
VHM	-71.49	29.1%	10,341	5.3	1.4
GMD	-44.28	26.9%	7,583	8.3	1.9
EIB	-35.38	12.2%	1,726	15.1	1.8
MSB	-34.89	17.5%	2,414	5.8	0.9

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
GMD	12.25	26.9%	7,583	8.3	1.9
HDB	5.01	20.3%	2,765	6.1	1.2
DGC	3.53	36.6%	10,780	8.1	2.8
VPB	2.28	11.1%	1,728	12.1	1.3
MSB	1.99	17.5%	2,414	5.8	0.9

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIX	-9.96	7.0%	839	23.6	1.6
VNM	-8.89	23.9%	3,937	19.8	4.4
HPG	-4.64	-2.0%	(328)	-	1.6
MWG	-2.22	6.6%	1,069	50.3	3.4
VIC	-2.01	3.9%	1,395	44.5	1.7

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEVFVND	64.15	N/A	N/A	N/A	N/A
SSI	58.45	7.3%	1,093	30.6	2.3
EIB	56.82	12.2%	1,726	15.1	1.8
HPG	55.98	-2.0%	(328)	-	1.6
MSB	33.02	17.5%	2,414	5.8	0.9

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
TPB	-219.67	18.6%	2,686	7.3	1.4
KDH	-37.91	7.5%	1,281	28.9	2.0
GEX	-35.75	1.6%	385	64.2	1.0
VPB	-33.64	11.1%	1,728	12.1	1.3
CTG	-22.11	15.8%	3,664	8.9	1.3

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	203.86	23.9%	3,937	19.8	4.4
TPB	159.77	18.6%	2,686	7.3	1.4
VHM	66.05	29.1%	10,341	5.3	1.4
PVT	34.00	12.0%	2,993	7.8	0.9
GMD	30.84	26.9%	7,583	8.3	1.9

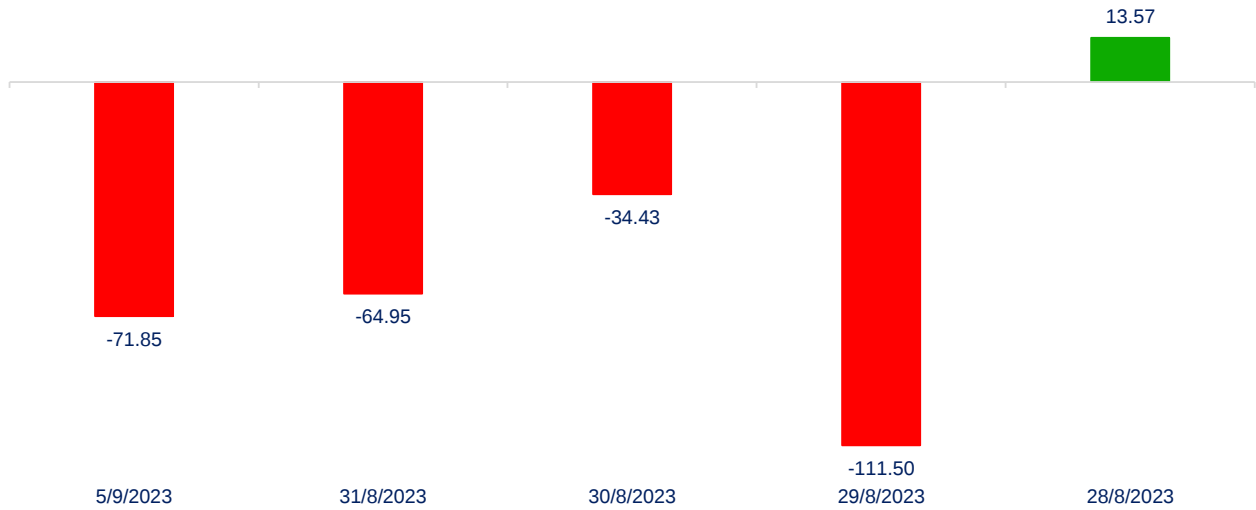
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	-188.10	7.3%	1,093	30.6	2.3
VIC	-176.39	3.9%	1,395	44.5	1.7
HPG	-102.54	-2.0%	(328)	-	1.6
FUEVFVND	-66.86	N/A	N/A	N/A	N/A
STB	-35.71	17.2%	3,601	9.1	1.5

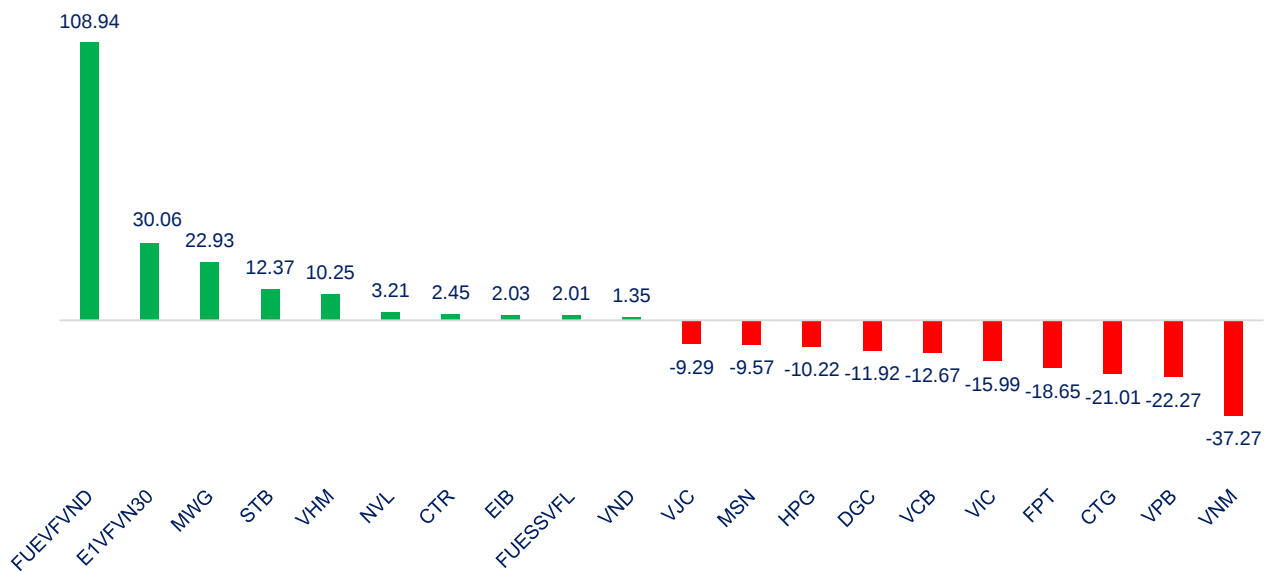


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn